

Sửa đổi bổ sung

Nghị định 03/2000/NĐ-CP

hướng dẫn thi hành

Luật doanh nghiệp

NGUYỄN TRIỀU HOA

Ảnh Hòa Tấn

Luật doanh nghiệp được Quốc hội khoá 10 thông qua ngày 12.6.1999, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1.1.2000 và đã được Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành bằng Nghị định 03/2000/NĐ-CP ngày 3.2.2000.

Với những quy định được đánh giá là thoáng hơn rất nhiều so với Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân trước đây, sau khi có hiệu lực, Luật doanh nghiệp đã từng bước đi vào cuộc sống, trở thành công cụ pháp lý hết sức hữu hiệu của các nhà kinh doanh cũng như các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. Những tư tưởng thông thoáng của Luật doanh nghiệp đã tạo cho nhà kinh doanh quyền chủ động kinh doanh, tận dụng được cơ hội kinh doanh, kích lệ tinh thần kinh doanh, khuyến khích sáng tạo và linh hoạt trong kinh doanh. Chuyển biến tích cực trong hành trình cải cách những thủ tục hành chính không những được các nhà kinh doanh trong nước hoan nghênh mà còn được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao.

Sau hơn bốn năm thực hiện, mặc dù Chính phủ đã cố gắng rất nhiều trong việc giải thích và hướng dẫn bằng Nghị định 03/2000/NĐ-CP để tạo thuận lợi cho việc hiểu cũng như thực hiện các quy định của Luật

doanh nghiệp, tuy vậy trên thực tế, đã xuất hiện những tình huống mà việc vận dụng pháp luật trở nên hết sức khó khăn; chẳng những làm cho các doanh nghiệp gặp bế tắc trong hoạt động mà còn làm cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng hết sức lúng túng trong việc quản lý và xử lý. Những ngành nghề bị cấm kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện, việc xác định người đại diện cho doanh nghiệp thay thế người đang đại diện cho doanh nghiệp không thể tiếp tục giữ vị trí này, cách thức thực hiện quyền của thành viên doanh nghiệp trong quản lý hoạt động, những quan hệ nội bộ của doanh nghiệp... xuất hiện dưới dạng những mâu thuẫn, tranh chấp ngày càng nhiều, trở thành những điểm nóng gây sự chú ý không chỉ của các nhà kinh doanh mà của cả xã hội đã đòi hỏi Chính phủ phải nhanh chóng khắc phục những thiếu sót của Nghị định 03/2000/NĐ-CP.

Trước tình hình đó, ngày 19.5.2004, Chính phủ đã ban hành Nghị định 125/2004/NĐ-CP nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 03/2000/NĐ-CP ngày 3.2.2000 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp. Trong bài viết này chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc một số nội dung của văn

bản đang gây chú ý cho các nhà kinh doanh.

Về danh mục ngành nghề cấm kinh doanh được quy định trong Điều 3, hiện nay được bổ sung thêm điểm (m) vào khoản 1 như sau: cấm "Kinh doanh dịch vụ môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài". Luật doanh nghiệp bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật chứ không phải chỉ được kinh doanh cái gì cho phép, vì vậy theo chúng tôi, bổ sung điểm (m) như trên là cần thiết, khi quan điểm của Nhà nước muốn hạn chế sự phát triển mặt không tích cực của hoạt động môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài và gần đây cũng đã có sự tranh cãi về tính hợp pháp trong việc tiến hành hoạt động này ở một vài doanh nghiệp.

Thực trạng cho thấy hiện nay, hiện tượng kết hôn với người nước ngoài không còn mang tính cá biệt trong đời sống xã hội và những hoạt động môi giới hôn nhân cũng xuất hiện. Bên cạnh những cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài là kết quả của sự hội nhập với đời sống quốc tế thì "phong trào" lấy chồng Đài Loan với hoạt động môi giới gây sốc cho dư luận xã hội, không chỉ ảnh hưởng về văn hóa, trật tự xã hội mà còn chạm đến cả thuần phong mỹ tục của dân tộc và hình ảnh đẹp vốn có

của người phụ nữ Việt Nam.

Tuy nhiên, ngăn chặn những tác dụng xấu của dịch vụ môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài bằng cách cấm loại hình kinh doanh dịch vụ này thì có lẽ chưa thỏa đáng. Trước hết là trong bối cảnh sự phát triển của xã hội hiện đại thì nhu cầu được cung cấp dịch vụ này của một bộ phận không nhỏ các thành viên trong xã hội là có thật và đáng được quan tâm, chính vì thế mà ở một số nước trong khu vực thì loại hình dịch vụ này không bị cấm, mặc dù được cho phép tồn tại với những quy chế quản lý chặt chẽ. Hơn nữa, việc không thừa nhận chính thức loại hình dịch vụ này sẽ dẫn đến chỗ Nhà nước càng không có khả năng kiểm soát những biến tướng của nó, khi nó "rút vào hoạt động bí mật".

Về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, cuối khoản 3, Điều 4 của Nghị định 03/2000 được sửa đổi bổ sung: "Người thành lập doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện đúng điều kiện kinh doanh theo quy định. Nếu doanh nghiệp tiến hành kinh doanh mà không có đủ điều kiện theo quy định, thì thành viên công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ tịch công ty hoặc thành viên hội đồng quản trị đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kinh doanh đó". Nếu so với quy định của khoản 3 Điều 4 trong Nghị định 03/2000 thì nội dung được bổ sung này làm rõ hơn những người phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với từng loại hình doanh nghiệp cụ thể.

Về ngành nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, tại khoản 2 của Điều 5 Nghị định 03/2000 xác định: "Người đại diện theo pháp luật

của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số vốn được xác nhận khi thành lập doanh nghiệp và trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp". Quy định này chỉ yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số vốn được xác nhận khi thành lập và hoạt động, xét ra quy định như vậy là chưa được chặt chẽ, có khả năng tạo cho các thành viên hoặc những người có trách nhiệm của doanh nghiệp chối bỏ trách nhiệm khi doanh nghiệp bị phát hiện không đảm bảo điều kiện về vốn pháp định. Để khắc phục khiếm khuyết này, khoản 2 của Điều 5 đã được bổ sung như sau: "Thành viên công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Chủ tịch công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số vốn được xác nhận khi thành lập doanh nghiệp và trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp".

Về ngành nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định 03/2000 cũng được Nghị định 125/2004 bổ sung thêm một số ngành nghề khi kinh doanh đòi hỏi phải có chứng chỉ hành nghề như: "Sản xuất, gia công sang chai, đóng gói, mua bán thuốc bảo vệ thực vật; kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải; mua bán di vật, cổ vật, bảo mật quốc gia."

Điều 6 còn được bổ sung thêm các khoản 4 và 5 nhằm xác định rõ những cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện quản lý Nhà nước đối với việc cấp chứng chỉ hành nghề và trách nhiệm của người có chứng chỉ hành nghề trong hoạt động kinh doanh. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trong thời gian vừa qua đã hết sức lúng túng và

chồng chéo khi thực hiện việc cấp cũng như quản lý chứng chỉ hành nghề, điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ tới quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh.

Về quyền thành lập doanh nghiệp trong Điều 8 của Nghị định 03/2000 được bổ sung thêm khoản 3 và 4 quy định: "Một cá nhân chỉ được làm chủ sở hữu một doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên hợp danh của một công ty hợp danh" và "Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú ở Việt Nam được quyền góp vốn, mua cổ phần theo quy định của luật khuyến khích đầu tư trong nước...".

Nội dung Điều 8 của Nghị định 03/2000 đã ghi nhận quyền thành lập doanh nghiệp của mọi cá nhân và tổ chức (nếu không thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp) và theo tinh thần của Luật doanh nghiệp cũng không hạn chế việc một người có thể tham gia thành lập nhiều doanh nghiệp. Tuy nhiên, dù không rơi vào trường hợp bị cấm thành lập doanh nghiệp nhưng một cá nhân cũng không thể làm chủ hơn một doanh nghiệp tư nhân hoặc là thành viên hợp danh của nhiều công ty hợp danh. Sự hạn chế này được ghi nhận tại khoản 3 vừa bổ sung xuất phát từ chế độ chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ trong kinh doanh của chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh của công ty hợp danh, những người này khi tham gia kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của họ. Như vậy một cá nhân có thể tham gia thành lập nhiều doanh nghiệp, nhưng không thể đồng thời tuyên bố chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản trong tất cả các doanh nghiệp mà mình tham gia thành lập.

Còn việc bổ sung khoản 4 như trên cũng hết sức cần thiết, nó tạo ra sự phù hợp mang tính liên thông giữa Luật doanh nghiệp với Luật khuyến khích đầu tư trong nước. Đối tượng "nước ngoài" được tham gia đầu tư vào các doanh nghiệp theo tinh thần của Luật doanh nghiệp không chỉ bó hẹp trong "người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường

trú tại Việt Nam” mà mở rộng ra cả với “tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam”. Đồng thời khoản 4 cũng quy định quyền của các nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Điều 9 của Nghị định 03/2000 quy định những người không được thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp, tại khoản 1 của điều này được bổ sung: “Bộ kế hoạch và đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tập hợp các danh sách các đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp trong cả nước theo quy định tại các khoản 6 và 7 Điều 9 Luật doanh nghiệp. Danh sách này phải được định kỳ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh”.

Khoản 6 và 7 Điều 9 của Luật doanh nghiệp cấm những người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù; người bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội theo luật định; người chủ và người quản lý điều hành doanh nghiệp khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp. Luật đã quy định rõ, tuy nhiên trong thời gian vừa qua, do các cơ quan nhà nước chưa có sự phối hợp để quản lý và kiểm soát nên đã xảy ra việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho những người đang ở trong diện bị cấm hoặc những người này vẫn tham gia điều hành doanh nghiệp và không ít trường hợp, họ tiếp tục gây ra những thiệt hại về kinh tế cũng như tạo ra sự mất an toàn về tâm lý cho các nhà kinh doanh khác. Việc bổ sung như trên là cần thiết và hoàn toàn có khả năng thực hiện được trên thực tế khi có những quy định nhằm tạo ra một cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có liên quan.

Cũng tại Điều 9 của Nghị định 03/2000, khoản 6 được sửa đổi là: “Cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước được quyền làm người quản lý doanh nghiệp khác với tư cách người đại diện theo ủy quyền cho doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà

nước có thẩm quyền; nếu nhân danh cá nhân góp vốn vào doanh nghiệp khác, thì không làm người quản lý ở doanh nghiệp đó”. Nội dung sửa đổi này đã góp phần làm rõ thêm về giới hạn những trường hợp cấm hay không cấm quyền tham gia điều hành quản lý doanh nghiệp khác của đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ của doanh nghiệp nhà nước, đây là vấn đề cũng đã xảy ra ít nhiều lần cần trong thực tiễn.

Về Điều lệ của công ty và danh sách thành viên công ty. Điều 10 của Nghị định 03/2000 đã xác định ý nghĩa pháp lý cũng như những yêu cầu về nội dung của điều lệ công ty, một văn bản có vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động của công ty. Nó vừa là bản cam kết thể hiện rõ ràng sự thỏa hiệp ý chí của các thành viên công ty đồng thời là căn cứ pháp lý quan trọng để ghi nhận và chứng minh tư cách thành viên công ty cũng như những nguyên tắc tổ chức, hoạt động của công ty. Nghị định 125/2004 tiếp tục bổ sung một số chi tiết vào Điều 10 (quy định về Điều lệ công ty) và Điều 11 (quy định về danh sách thành viên, danh sách cổ đông sáng lập) cũng theo hướng nhằm làm rõ thêm về nhân thân, về quyền được thỏa thuận không trái pháp luật của các thành viên công ty khi hình thành Điều lệ doanh nghiệp.

Ngoài những nội dung trên thì Nghị định 03/2000 còn được bổ sung thêm một loạt các điều mới như: Điều 11a, 11b, 18a, 21a, 21b và 36a. Việc bổ sung này xuất phát từ yêu cầu bức thiết của chính thực tiễn thực hiện Luật doanh nghiệp. Việc chưa được hướng dẫn cụ thể từ Nghị định 03/2000 đã gây ra nhiều khó khăn trong việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp nảy sinh trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp. Đó là những vấn đề rất được các nhà kinh doanh và xã hội quan tâm.

Đáng chú ý nhất là Điều 11a, hướng dẫn về một số quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn. Có thể nói nội dung của điều này đã tháo gỡ một loạt những rắc rối rất khó giải quyết.

Trước tiên là trường hợp liên quan đến người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn được quy định trong khoản 1: “Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu thành viên là người đại diện theo pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới”.

Thời gian vừa qua vì thiếu hướng dẫn cụ thể nên khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (trong trường hợp doanh nghiệp chỉ có hai thành viên) bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì hoạt động của doanh nghiệp thường bị đình trệ. Cả doanh nghiệp lẫn các cơ quan nhà nước đều lúng túng trong cách xác định người có thẩm quyền của doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động kinh doanh (như tham gia ký kết hợp đồng) hoặc các hoạt động tố tụng dân sự, kinh tế (làm người đại diện của nguyên đơn hay bị đơn trước tòa). Đã xảy ra những việc như: doanh nghiệp phải gửi giấy tờ vào trại giam xin chữ ký (vì người có quyền ký đang bị giam) hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp khi bị truy cứu trách nhiệm hình sự lại ủy quyền cho một người khác (không phải là thành viên còn lại của doanh nghiệp) thay mình giải quyết công việc làm cho mối quan hệ nội bộ của doanh nghiệp càng thêm rối ren...

Nội dung của Nghị định 03/2000 chỉ mới làm rõ các đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp mà chưa hướng dẫn cách giải quyết trường hợp những người đang quản lý doanh nghiệp thì rơi vào tình trạng bị cấm quyền. Khiếm khuyết này đã được khắc phục trong khoản 2 của Điều 11a: “Trường hợp cá nhân

thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, bị kết án tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khách theo quy định của pháp luật, thì thành viên đó ủy quyền cho người khác tham gia Hội đồng thành viên quản lý công ty". Việc thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn bị lâm vào tình trạng bị cấm quyền phải ủy quyền cho người khác tham gia Hội đồng thành viên quản lý công ty sẽ đảm bảo cho công ty có thể ổn định để tiếp tục hoạt động đồng thời cũng đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của người đầu tư.

Tiếp theo là các khoản 3,4 của Điều 11a ghi nhận cách thức để các thành viên công ty có thể bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của mình khi xảy ra những sự cố trong quá trình đầu tư như Luật đã tiên liệu, chẳng hạn như: quyền chuyển nhượng vốn góp cho người khác hoặc quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên.

Về việc triệu tập họp hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn, Điều 11b đã hướng dẫn những trường hợp cụ thể để thực hiện yêu cầu triệu tập họp hội đồng thành viên nhằm giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền. Trong thực tiễn cũng đã xuất hiện một số tranh chấp liên quan đến thẩm quyền triệu tập họp hội đồng thành viên và xem xét tính hợp pháp đề nghị của thành viên, nhóm thành viên trong công ty yêu cầu triệu tập họp hội đồng thành viên, chính vì thế mà sự hướng dẫn này là hết sức cần thiết.

Nhằm hạn chế khả năng một số người thông qua mối quan hệ đặc biệt với công ty (là người góp vốn vào công ty hay là người quản lý, điều hành công ty) tiến hành những hoạt động có thể xâm hại tới lợi ích hợp pháp của các thành viên khác trong doanh nghiệp, Điều 18a quy định về việc công khai hoá lợi ích có liên quan của thành viên, người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Khoản 1 của điều này buộc các đối tượng

như: "Các thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, người đại diện thành viên là tổ chức trong hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc)" phải kê khai những thông tin về doanh nghiệp mà "trong đó bản thân họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần" và cả những thông tin về doanh nghiệp "do vợ, chồng, con đẻ, con nuôi của họ làm chủ sở hữu" hoặc "sở hữu hơn 40% vốn điều lệ". Cũng tại Điều này, khoản 2 quy định rõ các bản kê khai phải được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp và quyền được xem các thông tin này bất cứ khi nào thấy cần thiết của các thành viên trong doanh nghiệp.

Để ràng buộc các cổ đông sáng lập phải thực sự có trách nhiệm đối với công ty cổ phần, Điều 21a quy định: "Vốn cổ phần của cổ đông sáng lập phải được đóng đủ ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Cổ đông sáng lập chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần góp vào công ty đã ghi trong danh sách cổ đông sáng lập được đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh."

Điều 21b hướng dẫn việc thực hiện quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật doanh nghiệp. Nội dung của Điều 21b ngoài việc ghi nhận các quyền của cổ đông (trong việc đề cử người vào hội đồng quản trị, yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông, kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội đồng cổ đông, yêu cầu ban kiểm soát kiểm tra những vấn đề liên quan đến quản lý điều hành hoạt động của công ty) thì đã quy định khá rõ cách thức để cổ đông có thể thực hiện những quyền đó. Các yêu cầu phải được thể hiện trên văn bản với nội dung và trình tự thủ tục đúng như quy định tại điều này.

Việc hướng dẫn một cách tương đối cụ thể về quyền và cách thực hiện quyền của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn cũng như cổ đông công ty cổ phần trong lĩnh vực quản lý nội bộ doanh nghiệp như trên chắc chắn sẽ tạo điều kiện

thuận lợi cho các thành viên của doanh nghiệp có cơ sở bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trong quá trình đầu tư, đồng thời cũng giúp cho các cơ quan quản lý, cơ quan tư pháp của nhà nước có căn cứ pháp lý cụ thể để phân xử những tranh chấp nảy sinh trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, một loại tranh chấp kinh tế hiện nay xuất hiện ngày càng nhiều.

Ngoài những nội dung bổ sung như đã trình bày thì về việc thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp được ghi nhận trong Điều 36a cũng quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Trách nhiệm này được xác định trong việc các cơ quan phải ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quy định trong phạm vi thẩm quyền của mình, tuyên truyền phổ biến pháp luật về doanh nghiệp, hướng dẫn và tổ chức cho các chủ thể kinh doanh thực hiện nghiêm túc Luật doanh nghiệp.

Tóm lại, trong quá trình thực hiện Luật doanh nghiệp thì việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành là hết sức cần thiết. Các văn bản này sẽ góp phần quan trọng vào việc cụ thể hoá tinh thần và tạo điều kiện để Luật có thể đi vào cuộc sống. Sự xuất hiện của Nghị định 125/2004/NĐ-CP ngày 19.5.2004 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 30/2000/NĐ-CP ngày 3.2.2000 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp được ghi nhận là một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp của nhà nước ta.

Những nội dung được sửa đổi, bổ sung trong Nghị định của Chính phủ đã đáp ứng được một số yêu cầu thực tế của xã hội đặt ra trong thời gian vừa qua khi thực hiện Luật doanh nghiệp; chính vì thế, sự điều chỉnh này chắc chắn sẽ tiếp tục tạo điều kiện để Luật doanh nghiệp có thể phát huy hơn nữa vai trò trong đời sống, thực sự trở thành động lực thúc đẩy, thu hút hiệu quả những nguồn lực của xã hội đầu tư vào hoạt động kinh doanh, phát triển đất nước ■